

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 122/TTr-STNMT ngày 29 tháng 3 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 17 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện. Cụ thể:

- Phụ lục I gồm 07 quy trình nội bộ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh/Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phụ lục II gồm 08 quy trình nội bộ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phụ lục III gồm 02 quy trình nội bộ thực hiện theo cơ chế một cửa liên

thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện/Chủ tịch UBND cấp huyện;

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm thiết lập quy trình điện tử quy định tại Phụ lục I, II, III của Điều 1 Quyết định này thuộc thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính phần việc của đơn vị mình trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm phổ biến và sao gửi Quyết định này đến UBND cấp xã trên địa bàn huyện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Thay thế 08 quy trình nội bộ (số thứ tự từ 2-8 và số thứ tự 14) tại Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Thay thế 02 quy trình nội bộ, quy trình điện tử thuộc lĩnh vực Tài nguyên nước tại Mục I Phụ lục 1 (số thứ tự 1 và 2) Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (phối hợp);
- Công TTĐT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Quý Phương**

**Phụ lục I**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN**  
**THÔNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH/CHỦ TỊCH UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  
*(Kèm theo Quyết định số 722 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Phần I. DANH MỤC QUY TRÌNH**

STT	Tên Quy trình	Mã số TTHC	Quyết định công bố Danh mục TTHC
1	Trả lại giấy phép <i>(Đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm hoặc trả lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)</i>	1.011512	Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện
2	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004223	
3	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004211	
4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m <sup>3</sup> /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m <sup>3</sup> , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m <sup>3</sup> /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m <sup>3</sup> , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm <i>(đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt)</i>	1.004179	

	<i>cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)</i>		
5	<i>Gia hạn/ điều chỉnh nội dung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh nội dung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)</i>	1.004167	
6	<i>Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt)</i>	1.000824	
7	<i>Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên sông suối thuộc trường hợp phải xin phép</i>	1.001740	
7.1	<i>Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh</i>		
7.2	<i>Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh</i>		

## Phần II. QUY TRÌNH NỘI BỘ

**1. Trả lại giấy phép (1.011512):** Đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và trả lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

a) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thời gian thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc.
- UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>56 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết.	04 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết.	28 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả	08 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	08 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh (gồm bản điện tử và bản giấy) cho Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh để ban hành Giấy phép.	04 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND tỉnh</b>		<b>24 giờ làm việc</b>
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 8	Chuyên viên VP UBND tỉnh	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt.	12 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký phê duyệt kết quả.	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả ( <i>bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển kết quả ( <i>bản điện tử</i> ) trên phần mềm một cửa về Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có).	02 giờ làm việc
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>80 giờ làm việc</b>

## 2. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004223)

a) Thời hạn giải quyết: 33 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường:
- + Thời gian thẩm định hồ sơ: 25 ngày làm việc.
- + Thời gian trả kết quả TTHC: 03 ngày làm việc
- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>200 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết.	152 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả	16 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ) cho Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh để ban hành Giấy phép.	04 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND tỉnh</b>		<b>40 giờ làm việc</b>
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 8	Chuyên viên VP UBND tỉnh	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt.	28 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký phê duyệt kết quả.	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả ( <i>bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển kết quả ( <i>bản điện tử</i> ) trên phần mềm một cửa về Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	02 giờ làm việc
<b>III</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>24 giờ làm việc</b>
Bước 12	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	- Chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép; - Chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	24 giờ làm việc
Bước 13	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>264 giờ làm việc</b>

### 3. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004211)

- a) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:
- Sở Tài nguyên và Môi trường:

- + Thời gian thẩm định hồ sơ: 20 ngày làm việc.
- + Thời gian trả kết quả TTHC: 03 ngày làm việc
- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>160 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết.	112 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả	16 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ) cho Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh để ban hành Giấy phép.	04 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND tỉnh</b>		<b>40 giờ làm việc</b>
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 8	Chuyên viên VP UBND tỉnh	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt.	28 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký phê duyệt kết quả.	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả ( <i>bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển kết quả ( <i>bản điện tử</i> ) trên phần mềm một cửa về Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	02 giờ làm việc
<b>III</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>24 giờ làm việc</b>

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 12	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	- Chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép; - Chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	24 giờ làm việc
Bước 13	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>224 giờ làm việc</b>

**4. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004179):**  
*Đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm).*

a) Thời hạn giải quyết: 33 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường:
- + Thời gian thẩm định hồ sơ: 25 ngày làm việc.
- + Thời gian trả kết quả TTHC: 03 ngày làm việc
- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>200 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ</i>	04 giờ làm việc

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
	Phục vụ HCC tỉnh	<i>trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết.	152 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả	16 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ) cho Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh để ban hành Giấy phép.	04 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND tỉnh</b>		<b>40 giờ làm việc</b>
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 8	Chuyên viên VP UBND tỉnh	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt.	28 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký phê duyệt kết quả.	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả ( <i>bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển kết quả ( <i>bản điện tử</i> ) trên phần mềm một cửa về Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	02 giờ làm việc
<b>III</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>24 giờ làm việc</b>
Bước 12	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	- Chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép; - Chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	24 giờ làm việc
Bước 13	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>264 giờ làm việc</b>

**5. Gia hạn/ điều chỉnh nội dung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004167):** *Đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh nội dung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm).*

a) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường:
- + Thời gian thẩm định hồ sơ: 20 ngày làm việc.
- + Thời gian trả kết quả TTHC: 03 ngày làm việc
- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>160 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết.	112 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả	16 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ) cho Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh để ban hành Giấy phép.	04 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND tỉnh</b>		<b>40 giờ làm việc</b>
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 8	Chuyên viên VP UBND tỉnh	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt.	28 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký phê duyệt kết quả.	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả ( <i>bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển kết quả ( <i>bản điện tử</i> ) trên phần mềm một cửa về Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	02 giờ làm việc
<b>III</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>24 giờ làm việc</b>
Bước 12	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	- Chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép; - Chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	24 giờ làm việc
Bước 13	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>224 giờ làm việc</b>

**6. Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (1.000824):** Đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt).

a) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường:

+ Thời gian thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc.

+ Thời gian trả kết quả TTHC: 03 ngày làm việc

- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>40 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	04 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết.	12 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả	08 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC.	08 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ) cho Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh để ban hành Giấy phép.	04 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND tỉnh</b>		<b>40 giờ làm việc</b>
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 8	Chuyên viên VP UBND tỉnh	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt.	28 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký phê duyệt kết quả.	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả ( <i>bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển kết quả ( <i>bản điện tử</i> ) trên phần mềm một cửa về Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	02 giờ làm việc
<b>III</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>24 giờ làm việc</b>

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 12	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	- Chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép; - Chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	24 giờ làm việc
Bước 13	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>104 giờ làm việc</b>

**7. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên sông suối thuộc trường hợp phải xin phép (1.001740)**

**7.1. Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh**

a) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thời gian thẩm định hồ sơ: 33 ngày làm việc.
- UBND tỉnh: 07 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>264 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết.	208 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả	16 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ) cho Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh để ban hành văn bản.	04 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND tỉnh</b>		<b>56 giờ làm việc</b>
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 8	Chuyên viên VP UBND tỉnh	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt.	44 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký phê duyệt kết quả.	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả ( <i>bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển kết quả ( <i>bản điện tử</i> ) trên phần mềm một cửa về Sở Tài nguyên và Môi trường.	02 giờ làm việc
Bước 12	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>320 giờ làm việc</b>

**7.2. Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh:**

a) Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thời gian thẩm định hồ sơ: 53 ngày làm việc.
- UBND tỉnh: 07 ngày làm việc.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>424 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ</i>	04 giờ làm việc

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
	Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	<i>trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết.	368 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	16 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ) cho Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh để ban hành văn bản.	04 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND tỉnh</b>		<b>56 giờ làm việc</b>
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 8	Chuyên viên VP UBND tỉnh	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt.	44 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký phê duyệt kết quả.	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả ( <i>bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển kết quả ( <i>bản điện tử</i> ) trên phần mềm một cửa về Sở Tài nguyên và Môi trường.	02 giờ làm việc
Bước 12	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>480 giờ làm việc</b>

**Phụ lục II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN**  
**THÔNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  
*(Kèm theo Quyết định số 722 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Phần I. DANH MỤC QUY TRÌNH**

<b>STT</b>	<b>Tên Quy trình</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Quyết định công bố Danh mục TTHC</b>
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	1.011516	Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện
2	Đăng ký khai thác nước dưới đất	1.011517	
3	Trả lại giấy phép <i>(đối với trường hợp trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm hoặc trả lại giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)</i>	1.011512	
4	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004232	
5	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004228	
6	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m <sup>3</sup> /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m <sup>3</sup> , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m <sup>3</sup> /giây trở	1.004179	

	lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m <sup>3</sup> , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm ( <i>đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm</i> )		
7	Gia hạn/điều chỉnh nội dung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m <sup>3</sup> /giờ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m <sup>3</sup> , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m <sup>3</sup> /giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m <sup>3</sup> , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm ( <i>đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh nội dung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm</i> )	1.004167	
8	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước ( <i>đối với trường hợp cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất hoặc cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước biển</i> )	1.000824	

## Phần II. QUY TRÌNH NỘI BỘ

### 1. Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (1.011516)

- a) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  
b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

#### 1.1. Trường hợp Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ.	48 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký nháy vào hồ sơ.	08 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	08 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển kết quả ( <i>điện tử và bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	04 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>80 giờ làm việc</b>

#### 1.2. Trường hợp Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ</i>	08 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
		<i>trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ.	
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	04 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ.	48 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký nháy vào hồ sơ.	08 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	08 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển kết quả ( <i>điện tử và bản giấy</i> ) cho Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã.	04 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
Bước 8			
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>80 giờ làm việc</b>

## 2. Đăng ký khai thác nước dưới đất (1.011517)

a) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ.	88 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký nháy vào hồ sơ.	08 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	08 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển kết quả ( <i>điện tử và bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	04 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>120 giờ làm việc</b>

**3. Trả lại giấy phép (1.011512):** Đối với trường hợp trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm hoặc trả lại giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)

a) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết	48 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký văn bản thẩm định và trình Lãnh đạo Sở TNMT dự thảo kết quả giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	08 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển kết quả ( <i>điện tử và bản giấy</i> ) cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	04 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>80 giờ làm việc</b>

**4. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004232)**

a) Thời hạn giải quyết: 33 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết	188 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký văn bản thẩm định và trình Lãnh đạo Sở TNMT dự thảo kết quả giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý: Cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử và bản giấy</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	24 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>264 giờ làm việc</b>

**5. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004228)**

a) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết	148 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký văn bản thẩm định và trình Lãnh đạo Sở TNMT dự thảo kết quả giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý: Cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử và bản giấy</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	24 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>224 giờ làm việc</b>

**6. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004179): Đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)**

- a) Thời hạn giải quyết: 33 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết	188 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký văn bản thẩm định và trình Lãnh đạo Sở TNMT dự thảo kết quả giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý: Cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử và bản giấy</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	24 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>264 giờ làm việc</b>

**7. Gia hạn/điều chỉnh nội dung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004167): Đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh nội dung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)**

a) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết	148 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký văn bản thẩm định và trình Lãnh đạo Sở TNMT dự thảo kết quả giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	16 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý: Cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử và bản giấy</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	24 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>224 giờ làm việc</b>

**8. Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (1.000824):** *Đối với trường hợp cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất hoặc cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước biển)*

a) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Quản lý tài nguyên của Sở TNMT xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
	nguyên		
Bước 3	CCVC Phòng Quản lý tài nguyên	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết	52 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên	Kiểm tra, ký văn bản thẩm định và trình Lãnh đạo Sở TNMT dự thảo kết quả giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở TNMT	Ký phê duyệt kết quả.	08 giờ làm việc
Bước 6	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyên viên thụ lý: Cập nhật trên phần mềm một cửa; chuyển thông báo và kết quả TTHC ( <i>bản điện tử và bản giấy</i> ) lên Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh và chuyển thông báo ( <i>bản giấy</i> ) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và nhận giấy phép.	24 giờ làm việc
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ của Sở TNMT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>104 giờ làm việc</b>

**Phụ lục III**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC**  
**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND CẤP HUYỆN/CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN**  
*(Kèm theo Quyết định số 722 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Phần I. DANH MỤC QUY TRÌNH**

<b>STT</b>	<b>Tên Quy trình</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Quyết định công bố Danh mục TTHC</b>
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	1.001662	Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	1.001645	
2.1	<i>Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh</i>		
2.2.	<i>Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh</i>		

## Phần II. QUY TRÌNH NỘI BỘ

### 1. Quy trình thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất (1.001662)

- Thời hạn giải quyết: **10** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong đó:
- + Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thẩm định: 07 ngày làm việc;
- + UBND cấp huyện: 03 ngày làm việc.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

#### **1.1. Trường hợp Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện**

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện</b>		<b>56 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện Bộ phận HC-TH của Trung tâm HCC cấp huyện	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	12 giờ làm việc
Bước 3	CC,VC Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết	30 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết và ký Văn bản trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả	08 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào số văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo UBND cấp huyện ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ).	02 giờ làm việc
<b>II</b>	<b>Quy trình tại UBND cấp huyện</b>		<b>24 giờ làm việc</b>
Bước 6	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 7	Chuyên viên VP UBND cấp huyện	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt.	12 giờ làm việc
Bước 8	Lãnh đạo VP UBND cấp huyện	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Phê duyệt kết quả TTHC.	04 giờ làm việc
Bước 10	Bộ phận văn thư VP UBND cấp huyện	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện	02 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận TN&TKQ của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>80 giờ làm việc</b>

**1.2. Trường hợp Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>I.</b>	<b>Quy trình tại Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện</b>		<b>56 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xử lý hồ sơ.	08 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CC,VC Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết	30 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết và ký Văn bản trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả	08 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo UBND cấp huyện (gồm bản điện tử và bản giấy).	02 giờ làm việc
<b>II.</b>	<b>Quy trình tại UBND cấp huyện</b>		<b>24 giờ làm việc</b>
Bước 6	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ	02 giờ làm việc

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
		lý.	
Bước 7	Chuyên viên VP UBND cấp huyện	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt.	12 giờ làm việc
Bước 8	Lãnh đạo VP UBND cấp huyện	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Phê duyệt kết quả TTHC.	04 giờ làm việc
Bước 10	Bộ phận văn thư VP UBND cấp huyện	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	02 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>80 giờ làm việc</b>

## **2. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh (1.001645)**

### **2.1. Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:**

- Thời hạn giải quyết: **30** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong đó:
- + Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thẩm định: 23 ngày làm việc;
- + UBND cấp huyện: 07 ngày làm việc
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện</b>		<b>184 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện Bộ phận HC-TH của Trung tâm HCC cấp huyện	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	16 giờ làm việc
Bước 3	CC,VC Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết	144 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết và ký Văn bản trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả	16 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND cấp huyện ( <i>gồm bản điện tử và bản giấy</i> ).	04 giờ làm việc
<b>II.</b>	<b>Quy trình tại UBND cấp huyện</b>		<b>56 giờ làm việc</b>
Bước 6	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	04 giờ làm việc
Bước 7	Chuyên viên VP UBND cấp huyện	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt.	32 giờ làm việc
Bước 8	Lãnh đạo VP UBND cấp huyện	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	08 giờ làm việc
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Phê duyệt kết quả TTHC.	08 giờ làm việc
Bước 10	Bộ phận văn thư VP UBND cấp huyện	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện	04 giờ làm việc
Bước 11	Bộ phận TN&TKQ của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>240 giờ làm việc</b>

**2.2. Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:**

- Thời hạn giải quyết: **40** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong đó:
- + Sở Tài nguyên và Môi trường: 04 ngày làm việc;
- + Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện: 29 ngày làm việc;
- + UBND cấp huyện: 07 ngày làm việc.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>Quy trình tại Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện</b>		<b>264 giờ làm việc</b>
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện Bộ phận HC-TH của Trung tâm HCC cấp huyện	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy ( <i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i> ) cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Nhận hồ sơ ( <i>điện tử</i> ) và phân công giải quyết.	08 giờ làm việc
Bước 3	CC,VC Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và gửi văn bản (kèm hồ sơ) đến Sở Tài nguyên và Môi trường.	16 giờ làm việc
Bước 4	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Xem xét, có văn bản hướng dẫn, hỗ trợ UBND cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án, kể từ khi nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án. - Chuyển văn bản (bản điện tử) cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.	32 giờ làm việc
Bước 5	CC,VC Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết, kể từ khi nhận được văn bản hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường	184 giờ làm việc
Bước 6	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết và ký Văn bản	16 giờ làm việc

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Đơn vị/Người thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
	trường cấp huyện	trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt kết quả	
Bước 7	Bộ phận văn thư/Chuyên viên thụ lý	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND cấp huyện (gồm bản điện tử và bản giấy).	04 giờ làm việc
<b>II.</b>	<b>Quy trình tại UBND cấp huyện</b>		<b>56 giờ làm việc</b>
Bước 8	Bộ phận TN&TKQ của VP UBND cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý.	02 giờ làm việc
Bước 9	Chuyên viên VP UBND cấp huyện	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt.	36 giờ làm việc
Bước 10	Lãnh đạo VP UBND cấp huyện	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	08 giờ làm việc
Bước 11	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Phê duyệt kết quả TTHC.	08 giờ làm việc
Bước 12	Bộ phận văn thư VP UBND cấp huyện	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện	02 giờ làm việc
Bước 13	Bộ phận TN&TKQ của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tại Trung tâm HCC cấp huyện	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>320 giờ làm việc</b>